

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV**  
**Thành Thành Công Gia Lai**

(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 35

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai

(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900421955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 2 tháng 8 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 16 tháng 11 năm 2015, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn theo GCNĐKKD thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng cây mía, sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 561, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2015
Ông Lê Văn Dĩnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2015
Ông Lê Quang Hải	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2015

### BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bá Chủ	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Lùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hùng Việt	Phó Tổng Giám đốc	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hồng Dương.

Ông Nguyễn Bá Chủ được Ông Phạm Hồng Dương ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Nghị quyết Hội đồng Thành viên số 01/2015/NQ-HĐTV ngày 17 tháng 11 năm 2015.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai

(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Bá Chủ  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2016



**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61248763/18262838/LR

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 35 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 22 tháng 9 năm 2015. Đồng thời, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 25 tháng 2 năm 2015.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Quang Minh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 0426-2013-004-1

Lương Kim Diên An  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2736-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 4 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai B01a-DN  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>466.150.045.729</b>	<b>608.791.784.628</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>96.948.805.844</b>	<b>58.463.683.622</b>
111	1. Tiền		3.948.805.844	4.463.683.622
112	2. Các khoản tương đương tiền		93.000.000.000	54.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>241.882.314.278</b>	<b>358.942.184.430</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	92.335.352.496	229.586.997.951
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	124.294.666.992	107.100.435.038
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	25.533.326.230	22.535.782.881
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(281.031.440)	(281.031.440)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>78.044.044.372</b>	<b>190.991.294.818</b>
141	1. Hàng tồn kho		78.044.044.372	190.991.294.818
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>49.274.881.235</b>	<b>394.621.758</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	42.901.563.595	361.053.895
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16	6.373.317.640	33.567.863
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>876.511.403.431</b>	<b>802.263.601.549</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.353.975.577</b>	<b>1.943.859.337</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	2.344.975.577	1.934.859.337
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	9.000.000	9.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>636.469.661.358</b>	<b>661.502.597.262</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	565.901.350.684	588.924.497.876
222	Nguyên giá		900.452.580.609	892.919.879.460
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(334.551.229.925)	(303.995.381.584)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	70.097.718.666	72.578.099.386
225	Nguyên giá		73.806.109.637	73.806.109.637
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.708.390.971)	(1.228.010.251)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	470.592.008	-
228	Nguyên giá		1.062.686.516	589.186.516
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(592.094.508)	(589.186.516)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>54.523.885.237</b>	<b>300.664.123</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	54.523.885.237	300.664.123
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>161.404.272.000</b>	<b>116.761.052.545</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		144.988.400.000	100.345.180.545
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		16.415.872.000	16.415.872.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>21.759.609.259</b>	<b>21.755.428.282</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	21.759.609.259	21.755.428.282
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.342.661.449.160</b>	<b>1.411.055.386.177</b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai B01a-DN  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>852.359.671.848</b>	<b>927.926.512.317</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>561.905.191.462</b>	<b>645.477.420.054</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	51.807.366.069	42.857.154.786
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		132.823.215	4.678.420.115
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	654.227.449	3.821.791.200
314	4. Phải trả người lao động		1.349.225.490	9.269.542.478
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	10.111.703.060	42.819.302.139
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	11.858.889.054	5.071.286.366
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	484.794.065.360	535.406.506.363
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.196.891.765	1.553.416.607
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>290.454.480.386</b>	<b>282.449.092.263</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	185.500.000	185.500.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	290.268.980.386	282.263.592.263
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>490.301.777.312</b>	<b>483.128.873.860</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>490.301.777.312</b>	<b>483.128.873.860</b>
411	1. Vốn điều lệ đã góp		389.998.760.000	389.998.760.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		(255.383.119)	(255.383.119)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		54.362.914.423	54.362.914.423
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.195.486.008	39.022.582.556
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		35.917.743.932	15.952.483.861
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		10.277.742.076	23.070.098.695
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.342.661.449.160</b>	<b>1.411.055.386.177</b>

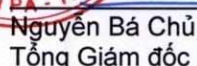


Dương Thúy Hằng  
Người lập



Nguyễn Văn Kim Cương  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Bá Chủ  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai B02a-DN  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	320.301.436.185	175.679.819.600
02	2. Các khoản giảm trừ	21.1	(7.027.851.961)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	313.273.584.224	175.679.819.600
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22, 24	(269.963.167.581)	(140.787.385.484)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.310.416.643	34.892.434.116
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	8.743.234.951	9.941.577.349
22	7. Chi phí tài chính		(26.221.981.742)	(14.383.740.873)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(26.212.381.742)	(14.048.949.206)
25	8. Chi phí bán hàng	23, 24	(6.159.087.923)	(3.384.669.205)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23, 24	(13.302.357.104)	(13.302.610.869)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.370.224.825	13.762.990.518
31	11. Thu nhập khác		1.477.039.459	2.611.313.916
32	12. Chi phí khác		(414.742.709)	-
40	13. Lợi nhuận khác		1.062.296.750	2.611.313.916
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.432.521.575	16.374.304.434
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	3.245.151.589	(3.759.726.612)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		10.677.673.164	12.614.577.822



Dương Thúy Hằng  
Người lập



Nguyễn Văn Kim Cương  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Bá Chủ  
Tổng Giám đốc



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai** B03a-DN  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>7.432.521.575</b>	<b>16.374.304.434</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ")		15.272.203.524	5.930.830.540
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.449.239.046)	(9.941.577.349)
06	Chi phí lãi vay		26.212.381.742	14.048.949.206
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>39.467.867.795</b>	<b>26.412.506.831</b>
09	Giảm các khoản phải thu		111.233.255.637	50.915.415.388
10	Giảm hàng tồn kho		112.947.250.446	74.734.992.165
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(27.666.263.798)	34.209.787.169
12	Tăng chi phí trả trước		(23.680.055.900)	(16.130.036.564)
14	Tiền lãi vay đã trả		(25.532.057.301)	(12.648.993.932)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25.2	(2.300.171.801)	(8.567.778.763)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.861.294.554)	(1.891.709.890)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>180.608.530.524</b>	<b>147.034.182.404</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(64.891.622.263)	(226.386.484.358)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		2.272.727.273	-
23	Tiền chi cho vay		(99.716.100.000)	(560.250.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		99.305.983.760	133.824.000
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(44.643.219.455)	(78.974.400.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay		8.227.875.263	4.769.191.608
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(99.444.355.422)</b>	<b>(301.018.118.750)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		500.340.044.202	650.692.843.742
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(540.728.389.812)	(595.072.552.411)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(2.290.707.270)	-
36	Cổ tức đã trả		-	(19.459.583.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(42.679.052.880)	36.160.708.331
50	Tăng (giảm) tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ		38.485.122.222	(117.823.228.015)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		58.463.683.622	155.362.336.666
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	96.948.805.844	37.539.108.651



Dương Thúy Hằng  
Người lập



Nguyễn Văn Kim Cương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Chủ  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai** B09a-DN  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900421955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 2 tháng 8 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 16 tháng 11 năm 2015, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn theo GCNĐKKD thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng cây mía, sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 561, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 604 (ngày 30 tháng 6 năm 2015: 488).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKTVN") khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc ngày 30 tháng 6.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200").

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 27.

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |  |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa                          | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản cố định thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

#### 3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	4 - 5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Chi phí phân bổ ngoài vụ được tính toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở sản lượng đường thực tế sản xuất trong kỳ.

**3.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai B09a-DN  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Tiền mặt	15.796.499	92.365.399
Tiền gửi ngân hàng	3.933.009.345	4.371.318.223
Các khoản tương đương tiền	93.000.000.000	54.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>96.948.805.844</b>	<b>58.463.683.622</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 0% đến 1%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Phải thu bên thứ ba	45.586.358.205	190.581.467.615
Trong đó:		
<i>Công ty Cổ phần Thương mại     Thành Thành Công</i>	12.245.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre     Khác</i>	27.800.000.000 5.541.358.205	45.657.455.956 144.924.011.659
Phải thu bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	46.748.994.291	39.005.530.336
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92.335.352.496</b>	<b>229.586.997.951</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(281.031.440)	(281.031.440)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>92.054.321.056</b>	<b>229.305.966.511</b>

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 19.1 và 19.2*).

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Nông dân	104.944.704.852	103.314.922.520
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	18.385.094.284	-
Khác	964.867.856	3.785.512.518
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>124.294.666.992</b>	<b>107.100.435.038</b>

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai** B09a-DN  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**6. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>	<b>25.533.326.230</b>	<b>22.535.782.881</b>
Tạm ứng cho nhân viên	19.911.468.125	1.389.619.883
Lãi cho vay	2.930.238.998	1.186.554.404
Lãi phạt chậm thanh toán	2.241.563.969	3.853.859.301
Thu từ chuyển nhượng cổ phần	-	15.723.136.000
Khác	450.055.138	382.613.293
<b>Dài hạn</b>	<b>9.000.000</b>	<b>9.000.000</b>
Ký quỹ	9.000.000	9.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>25.542.326.230</u></b>	<b><u>22.544.782.881</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên thứ ba</i>	24.315.804.447	22.493.364.881
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	1.226.521.783	51.418.000

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Thành phẩm	36.961.916.870	168.742.679.078
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.530.288.417	1.096.280.770
Nguyên vật liệu	15.980.724.740	16.024.054.501
Công cụ, dụng cụ	4.603.355.171	4.660.271.974
Hàng hóa	967.759.174	468.008.495
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>78.044.044.372</u></b>	<b><u>190.991.294.818</u></b>

Hàng tồn kho được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 19.1).

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai** B09a-DN  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>	<b>42.901.563.595</b>	<b>361.053.895</b>
Chi phí phân bổ ngoài vụ	42.552.721.065	-
Công cụ, dụng cụ	19.662.600	-
Khác	329.179.930	361.053.895
<b>Dài hạn</b>	<b>21.759.609.259</b>	<b>21.755.428.282</b>
Chi phí đất (*)	15.460.069.936	15.558.708.633
Công cụ, dụng cụ	3.536.193.385	3.293.887.108
Khác	2.763.345.938	2.902.832.541
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.661.172.854</b>	<b>22.116.482.177</b>

(\*) Quyền sử dụng đất trị giá 1.626.280.659 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (Thuyết minh số 19.1 và 19.2).

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

Phải thu về cho vay dài hạn thể hiện các khoản cho nông dân vay và hưởng lãi suất từ 4,95% đến 9,90%/ năm.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	153.827.195.577	726.424.393.328	10.632.121.582	2.036.168.973	892.919.879.460
Mua mới	1.336.842.118	952.989.270	4.834.585.330	288.727.273	7.413.143.991
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	653.053.408	370.000.000	-	1.758.703.750	2.781.757.158
Thanh lý	-	-	(2.662.200.000)	-	(2.662.200.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	155.817.091.103	727.747.382.598	12.804.506.912	4.083.599.996	900.452.580.609
<b>Trong đó:</b>					
<b>Đã khấu hao hết</b>	1.668.938.616	106.755.975.821	506.000.000	897.091.003	109.828.005.440
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	50.427.265.574	248.079.027.010	4.056.754.126	1.432.334.874	303.995.381.584
Khấu hao trong kỳ	4.529.240.571	26.358.445.193	636.572.674	129.291.151	31.653.549.589
Thanh lý	-	-	(1.097.701.248)	-	(1.097.701.248)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	54.956.506.145	274.437.472.203	3.595.625.552	1.561.626.025	334.551.229.925
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	103.399.930.003	478.345.366.318	6.575.367.456	603.834.099	588.924.497.876
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	100.860.584.958	453.309.910.395	9.208.881.360	2.521.973.971	565.901.350.684
<b>Trong đó</b>					
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 19.2)	38.024.432.413	351.361.505.840	-	43.207.238	389.429.145.491

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai** B09a-DN  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH**

	VND
	<i>Máy móc thiết bị</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>73.806.109.637</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	1.228.010.251
Khấu hao trong kỳ	<u>2.480.380.720</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>3.708.390.971</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>72.578.099.386</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>70.097.718.666</u>

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	-	589.186.516	589.186.516
Mua mới	<u>430.000.000</u>	<u>43.500.000</u>	<u>473.500.000</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>430.000.000</u>	<u>632.686.516</u>	<u>1.062.686.516</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	-	589.186.516	589.186.516
Hao mòn trong kỳ	-	<u>2.907.992</u>	<u>2.907.992</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	<u>592.094.508</u>	<u>592.094.508</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>430.000.000</u>	<u>40.592.008</u>	<u>470.592.008</u>

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai** B09a-DN  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Hoàn thiện dự án nâng cấp nhà máy	44.611.551.102	-
Máy móc thiết bị	6.401.517.279	-
Khác	3.510.816.856	300.664.123
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>54.523.885.237</u></b>	<b><u>300.664.123</u></b>

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)	144.988.400.000	100.345.180.545
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.2)	16.415.872.000	16.415.872.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>161.404.272.000</u></b>	<b><u>116.761.052.545</u></b>

**14.1 Đầu tư vào công ty con**

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 30 tháng 6 năm 2015	
	Chi phí đầu tư VND	%	Chi phí đầu tư VND	%
		sở hữu		sở hữu
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai (i)	130.000.000.000	100	85.356.780.545	100
Công ty TNHH Tư nhân SECS (ii)	14.988.400.000	100	14.988.400.000	100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>144.988.400.000</u></b>		<b><u>100.345.180.545</u></b>	

- (i) Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai (“Nhiệt điện Gia Lai”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900974477 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 12 năm 2013. Hoạt động chính của Nhiệt điện Gia Lai là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng và xây dựng công trình dân dụng.
- (ii) Công ty TNHH Tư nhân SECS (“SECS”) được thành lập tại Singapore theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 739 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 27 tháng 8 năm 2014. Hoạt động chính của SECS là kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía và các sản phẩm nông sản khác.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai** B09a-DN  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 30 tháng 6 năm 2015	
	Chi phí đầu tư VND	% sở hữu	Chi phí đầu tư VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (i)	12.215.872.000	6,58	12.215.872.000	6,58
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (ii)	4.200.000.000	14,00	4.200.000.000	14,00
<b>TOTAL</b>	<b>16.415.872.000</b>		<b>16.415.872.000</b>	

(i) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (“Đường Nước Trong”) được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của Đường Nước Trong là sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.

(ii) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (“Mía đường TTC”) được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Mía đường TTC đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của Mía đường TTC là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Bên thứ ba	50.289.299.825	42.847.154.786
Bên liên quan (Thuyết minh số 26)	1.518.066.244	10.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.807.366.069</b>	<b>42.857.154.786</b>



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai** B09a-DN  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

				VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.2)	1.872.197.289	754.159.297	(2.300.171.801)	326.184.785
Thuế giá trị gia tăng	1.634.731.112	15.874.970.179	(17.509.701.291)	-
Thuế thu nhập cá nhân	314.309.859	586.826.926	(575.662.217)	325.474.568
Thuế khác	552.940	21.019.622	(19.004.466)	2.568.096
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.821.791.200</u></b>	<b><u>17.236.976.024</u></b>	<b><u>(20.404.539.775)</u></b>	<b><u>654.227.449</u></b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	33.567.863	16.408.952.063	(10.069.202.286)	6.373.317.640

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

			VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	
Chi phí lãi vay	7.694.230.449	7.013.906.008	
Chi phí vận chuyển	1.829.160.398	907.775.900	
Chi phí mua nguyên vật liệu	565.212.213	10.332.406.142	
Chi phí xây dựng	-	23.040.883.137	
Khác	23.100.000	1.524.330.952	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.111.703.060</u></b>	<b><u>42.819.302.139</u></b>	

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

			VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.858.889.054</b>	<b>5.071.286.366</b>	
Mượn từ bên liên quan (Thuyết minh số 26)	7.524.612.835	74.612.835	
Nhận ký quỹ	2.075.477.411	2.703.348.140	
Khác	2.258.798.808	2.074.286.691	
<b>Dài hạn</b>	<b>185.500.000</b>	<b>185.500.000</b>	
Nhận ký quỹ	185.500.000	185.500.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.044.389.054</u></b>	<b><u>5.256.786.366</u></b>	

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai B09a-DN  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

19. VAY

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>	<b>484.794.065.360</b>	<b>535.406.506.363</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	430.557.236.275	502.656.384.550
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	43.354.000.000	24.158.000.000
Vay bên khác dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	1.720.000.000	1.720.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 19.4)	9.162.829.085	6.872.121.813
<b>Dài hạn</b>	<b>290.268.980.386</b>	<b>282.263.592.263</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	236.894.127.691	223.447.325.026
Vay bên khác (Thuyết minh số 19.3)	5.270.000.000	6.130.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 19.4)	48.104.852.695	52.686.267.237
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>775.063.045.746</u></b>	<b><u>817.670.098.626</u></b>

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Công Gia Lai**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**19. VAY (tiếp theo)**

**19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 5.1, 7, 8 và 10)
	VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	98.328.892.625	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2016 đến ngày 17 tháng 6 năm 2016	5,5 – 5,7	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	92.000.000.000	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2016 đến ngày 22 tháng 5 năm 2016	5,5	Thành phẩm thương mại trị giá 30.000.000.000 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	91.000.000.000	Từ ngày 23 tháng 1 năm 2016 đến ngày 1 tháng 6 năm 2016	4,6 – 6,2	Các khoản phải thu và hàng hóa tồn kho trị giá 60.000.000.000 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	64.228.343.650	Từ ngày 31 tháng 5 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	6,5	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	45.000.000.000	Từ ngày 11 tháng 4 năm 2016 đến ngày 27 tháng 4 năm 2016	5,5	Hàng hóa tồn kho trị giá 2.500.000 đô la Mỹ
Ngân hàng Maybank – Chi nhánh Hồ Chí Minh	40.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	5,5	Khoản phải thu và hàng hóa tồn kho
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>430.557.236.275</b>			

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**19. VAY (tiếp theo)**

**19.2 Vay dài hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 5.1, 8 và 10)
	VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	252.200.647.942	Từ ngày 9 tháng 1 năm 2016 đến ngày 9 tháng 10 năm 2022	8,0 – 9,0	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	18.187.194.126	Từ ngày 13 tháng 1 năm 2016 đến ngày 13 tháng 2 năm 2022	8,0 – 8,5	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	9.860.285.623	Từ ngày 20 tháng 6 năm 2016 đến ngày 20 tháng 4 năm 2021	8,5 – 9,0	Máy móc thiết bị

**TỔNG CỘNG**

**280.248.127.691**

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

43.354.000.000

Vay dài hạn

236.894.127.691

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm mục đích đầu tư hình thành tài sản cố định.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**19. VAY (tiếp theo)**

**19.3 Vay dài hạn từ bên khác**

Chi tiết vay dài hạn từ bên khác như sau:

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo
Quý Bảo vệ Môi trường Việt Nam	6.990.000.000 VND	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2015 đến ngày 25 tháng 3 năm 2020	5,40	Bảo lãnh ngân hàng

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	1.720.000.000
Vay dài hạn	5.270.000.000

Công ty sử dụng khoản vay này nhằm mục đích đầu tư hình thành tài sản cố định.

**19.4 Nợ thuế tài chính**

Công ty hiện đang thuế máy móc thiết bị theo hợp đồng thuế tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu</b>	<b>Lãi thuế tài chính</b>	<b>Lãi thuế tài chính</b>
	<b>Nợ gốc</b>	<b>Nợ gốc</b>
<b>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>		
Từ 1 năm trở xuống	14.019.128.500	9.162.829.085
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>		
Từ 1 – 5 năm	57.489.880.384	45.814.145.424
Trên 5 năm	2.326.213.234	2.290.707.271
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>73.835.222.118</b>	<b>57.267.681.780</b>
		<b>11.665.999.455</b>
		<b>4.793.877.642</b>
		<b>6.872.121.813</b>
		<b>12.690.518.282</b>
		<b>1.344.072.491</b>
		<b>18.325.658.169</b>
		<b>59.558.389.050</b>

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Công Gia Lai**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ đã góp		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác của chủ sở hữu	Tổng cộng
								VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>								
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	389.998.760.000	(1.044.000)	35.243.029.693	14.960.455.548	39.090.135.385	(255.500.000)	479.035.836.626	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	12.614.577.822	-	12.614.577.822	
Phát hành cổ phiếu quỹ	-	1.044.000	-	-	-	116.881	1.160.881	
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(19.499.938.000)	-	(19.499.938.000)	
Trích lập quỹ	-	-	1.261.457.782	630.728.891	(1.892.186.673)	-	-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.637.713.524)	-	(3.637.713.524)	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	389.998.760.000	-	36.504.487.475	15.591.184.439	26.674.875.010	(255.383.119)	468.513.923.805	
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>								
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 (đã được trình bày trước đây)	389.998.760.000	-	38.015.982.481	16.346.931.942	39.022.582.556	(255.383.119)	483.128.873.860	
Phân loại lại	-	-	16.346.931.942	(16.346.931.942)	-	-	-	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 (được trình bày lại - Thuyết minh số 27)	389.998.760.000	-	54.362.914.423	-	39.022.582.556	(255.383.119)	483.128.873.860	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	10.677.673.164	-	10.677.673.164	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.504.769.712)	-	(3.504.769.712)	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	389.998.760.000	-	54.362.914.423	-	46.195.486.008	(255.383.119)	490.301.777.312	

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai** B09a-DN  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.2 Vốn điều lệ đã góp**

	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp
	Vốn điều lệ	% sở hữu	VND
	VND		
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Tây Ninh	389.998.760.000	100	389.998.760.000

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
	VND	
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>320.301.436.185</b>	<b>175.679.819.600</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán đường</i>	277.151.896.296	166.507.417.093
<i>Doanh thu bán mật đường</i>	17.793.544.095	3.113.691.429
<i>Doanh thu bán phân bón</i>	16.284.057.150	3.636.329.927
<i>Doanh thu bán điện</i>	1.679.494.609	1.644.328.380
<i>Doanh thu khác</i>	7.392.444.035	778.052.771
<b>Trừ</b>		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(7.008.561.051)	-
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(19.290.910)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>313.273.584.224</b>	<b>175.679.819.600</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán đường</i>	270.143.335.245	166.507.417.093
<i>Doanh thu bán mật đường</i>	17.793.544.095	3.113.691.429
<i>Doanh thu bán phân bón</i>	16.284.057.150	3.636.329.927
<i>Doanh thu bán điện</i>	1.679.494.609	1.644.328.380
<i>Doanh thu khác</i>	7.373.153.125	778.052.771
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên thứ ba</i>	181.436.015.320	175.533.019.600
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	131.837.568.904	146.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**21. DOANH THU** (tiếp theo)

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.359.264.525	9.941.577.349
Thu nhập cổ tức	381.746.000	-
Khác	2.224.426	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.743.234.951</u></b>	<b><u>9.941.577.349</u></b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Giá vốn đường	228.083.620.418	132.110.797.304
Giá vốn mật đường	17.714.001.768	3.113.818.201
Giá vốn phân bón	15.877.509.255	3.191.655.119
Giá vốn điện	1.590.752.724	1.644.328.380
Khác	6.697.283.416	726.786.480
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>269.963.167.581</u></b>	<b><u>140.787.385.484</u></b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.908.246.338	1.543.322.043
Khấu hao TSCĐ	1.735.803.769	877.799.232
Chi phí nhân viên	504.960.056	390.468.655
Chi phí khác	1.010.077.760	573.079.275
	<u>6.159.087.923</u>	<u>3.384.669.205</u>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	6.976.381.126	4.970.151.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.465.370.726	2.132.833.241
Khấu hao và hao mòn TSCĐ	721.692.447	809.956.004
Chi phí khác	3.138.912.805	5.389.670.295
	<u>13.302.357.104</u>	<u>13.302.610.869</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.461.445.027</u></b>	<b><u>16.687.280.074</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	197.309.319.423	119.468.473.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.376.716.442	4.594.616.200
Chi phí nhân công	29.885.932.035	11.052.116.537
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	21.582.773.260	12.632.004.553
Chi phí khác	10.269.871.448	9.727.454.582
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>289.424.612.608</u></b>	<b><u>157.474.665.558</u></b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo Công văn số 3121/CT-TTHT của Cục thuế Tỉnh Gia Lai ban hành ngày 22 tháng 10 năm 2015.

Các hoạt động còn lại của Công ty chịu thuế suất thuế TNDN là 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	409.718.357	3.759.726.612
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa kỳ trước	(3.654.869.946)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(3.245.151.589)</u></b>	<b><u>3.759.726.612</u></b>

**25.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**25.2 Thuế TNDN hiện hành** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.432.521.575</b>	<b>16.374.304.434</b>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	1.120.478.269	715.361.986
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>8.552.999.844</b>	<b>17.089.666.420</b>
<i>Trong đó:</i>		
Đường và sản phẩm phụ làm từ mía	8.095.082.122	13.795.343.872
Sản phẩm khác	(1.019.121.737)	489.557.537
Hoạt động khác	1.477.039.459	2.804.765.011
<b>Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>409.718.357</b>	<b>3.759.726.612</b>
<i>Trong đó:</i>		
Đường và sản phẩm phụ làm từ mía	-	3.034.975.652
Sản phẩm khác	-	107.702.658
Hoạt động khác	409.718.357	617.048.302
<b>Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ</b>	<b>1.872.197.289</b>	<b>5.397.988.899</b>
Thuế TNDN trích thừa kỳ trước	(3.654.869.946)	-
Cần trừ với thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.999.310.886	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(2.300.171.801)	(8.567.778.763)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>326.184.785</b>	<b>589.936.748</b>

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai** B09a-DN  
(trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	128.422.001.619	100.000.000
		Mua hàng hóa	4.376.548.123	727.822.669
		Sử dụng dịch vụ	859.993.744	-
		Vay	-	10.000.000.000
		Lãi vay	-	293.333.334
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Công ty con	Góp vốn	44.643.219.455	65.609.780.545
		Bán hàng hóa	2.015.567.285	46.800.000
		Cung cấp dịch vụ	1.400.000.000	-
		Mượn	19.800.000.000	5.000.000.000
		Trả tiền mượn	12.350.000.000	700.000.000
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Bên liên quan	Cổ tức	381.746.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	43.024.002.500	39.005.530.336
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	3.724.991.791	-
			<b>46.748.994.291</b>	<b>39.005.530.336</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Lãi chậm thanh toán	844.775.783	51.418.000
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Bên liên quan	Cổ tức	381.746.000	-
			<b>1.226.521.783</b>	<b>51.418.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		VND		
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	1.518.066.244	10.000.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Công ty con	Mượn	7.524.612.835	74.612.835

**27. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.

				VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (được trình bày lại)	
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ</b>				
Phải thu ngắn hạn khác	21.146.162.998	1.389.619.883		22.535.782.881
Tài sản ngắn hạn khác	1.389.619.883	(1.389.619.883)		-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	1.934.859.337		1.934.859.337
Phải thu dài hạn khác	-	9.000.000		9.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	16.415.872.000		16.415.872.000
Đầu tư dài hạn khác	18.350.731.337	(18.350.731.337)		-
Tài sản dài hạn khác	9.000.000	(9.000.000)		-
Quý đầu tư phát triển	38.015.982.481	16.346.931.942		54.362.914.423
Quý dự phòng tài chính	16.346.931.942	(16.346.931.942)		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



\_\_\_\_\_  
Dương Thúy Hằng  
Người lập



\_\_\_\_\_  
Nguyễn Văn Kim Cương  
Kế toán trưởng



\_\_\_\_\_  
Nguyễn Bá Chủ  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

NGUYỄN VĂN KIM CƯƠNG

NGUYỄN BÁ CHỦ